

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên hóa chất: ACETIC ACID – 99%

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** ACETIC ACID
- Công thức phân tử:** CH₃COOH
- CAS:** 64-19-7
- Dạng:** Lỏng không màu, mùi đặc trưng
- Sử dụng:** Phòng thí nghiệm, sản xuất hóa chất, thực phẩm (E260), dung môi
- Nhà cung cấp:**
 - Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
 - Mã số thuế: 0314051291
 - Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, TP.HCM, Việt Nam
 - Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

Phân loại theo GHS:

- GHS05 – Ăn mòn
- GHS07 – Dấu chấm than
- GHS09 – Môi trường

Câu cảnh báo nguy hiểm (H-codes):

- H226: Chất lỏng và hơi dễ cháy
- H314: Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng
- H318: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng
- H335: Có thể gây kích ứng đường hô hấp

Câu phòng ngừa (P-codes):

- P210: Tránh xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, lửa trần, không hút thuốc
- P233: Giữ bình chứa kín khi không sử dụng
- P260: Tránh hít hơi, khí, sương, bụi
- P280: Mang găng tay, kính bảo hộ và quần áo bảo hộ
- P301+P330+P331: Nếu nuốt phải, rửa miệng, **không gây nôn**
- P305+P351+P338: Nếu dính vào mắt, rửa nhẹ nhàng bằng nước trong vài phút
- P337+P313: Nếu kích ứng mắt kéo dài, tham khảo ý kiến bác sĩ
- P403+P235: Bảo quản nơi thông thoáng, mát mẻ

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Nồng độ
Axit Acetic	64-19-7	≥ 99% (glacial)

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Di chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí, hỗ trợ hô hấp nếu cần
- Tiếp xúc da:** Rửa ngay bằng nhiều nước ít nhất 15 phút, cởi bỏ quần áo nhiễm hóa chất
- Tiếp xúc mắt:** Rửa ngay bằng nước sạch ít nhất 15 phút, đến cơ sở y tế
- Nuốt phải:** Không gây nôn, súc miệng, đưa đến cơ sở y tế

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Phương tiện:** Bột, CO₂, bột khô
- Nguy cơ:** Dễ cháy, hơi dễ bắt lửa
- Bảo hộ:** Mặt nạ phòng độc, quần áo chống cháy

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Ngăn chặn tràn lan, dùng vật liệu hấp thụ không phản ứng
- Không đổ vào cống rãnh hoặc nguồn nước

MỤC 7: XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng:** Trong tủ hút hoặc nơi thông gió tốt
- Bảo quản:** Bình kín, nơi mát, tránh nguồn nhiệt và lửa

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

- Mắt:** Kính bảo hộ kín
- Da:** Găng tay chống hóa chất, áo bảo hộ
- Hô hấp:** Mặt nạ khi làm việc nơi có hơi đậm đặc

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Lỏng không màu
Mùi	Mùi chua đặc trưng
Nhiệt độ sôi	118°C
Nhiệt độ nóng chảy	16.6°C
Độ tan trong nước	Tan hoàn toàn
pH (dung dịch 1 M)	~2.4

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Ổn định trong điều kiện bình kín
- Tránh nhiệt, lửa, hợp chất oxi hóa mạnh
- Phản ứng nguy hiểm: phản ứng với bazơ mạnh, hợp chất kiềm

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- LD₅₀ (chuột, uống):** 3.310 mg/kg
- Gây bong da, mắt, kích ứng hô hấp

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- Hoi axit làm giảm pH môi trường nước, độc với sinh vật thủy sinh ở nồng độ cao
- Dễ phân hủy sinh học

MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom vào thùng chịu hóa chất
- Trung hòa bằng kiềm trước khi xả theo quy định

MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- UN Number:** 2789
- Loại nguy hiểm:** 8 (Ăn mòn)
- Tuân thủ ADR/IMDG/IATA

MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- Tuân thủ TCVN 9487:2012
- Hóa chất ăn mòn, cần bảo quản và xử lý theo quy định

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Ngày phát hành SDS: 26/11/2025
- Tham khảo: GHS Purple Book, Sigma-Aldrich SDS, PubChem

- Ghi chú:
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế